SỰ KHÁC BIỆT GIỮA ĐÔ THỊ VIỆT NAM VÀ NHẬT BẢN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

1. Về chính trị

Có thể nói khác biệt lớn nhất và rõ nhất giữa Việt Nam và Nhật Bản là hệ thống chính trị. Hệ thống chính trị Nhật Bản vận động theo cơ chế chính trị tư bản chủ nghĩa. Đường lối và chính sách của các đảng lãnh đạo về cơ bản là tập trung xây dựng và phát triển Nhật Bản thành một quốc gia hùng cường; liên minh chặt chẽ với Mỹ; phát triển quan hệ quốc tế đa dạng, nhiều chiều; chú trọng phát triển kinh tế kết hợp với việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Thực tế cho thấy, hệ thống đảng chính trị nước này giữ vai trò chi phối đời sống chính trị - xã hội Nhật Bản trong suốt hơn 5 thập kỷ qua. Chính sách đối nội, đối ngoại, trong đó có chính sách bảo vệ môi trường sinh thái thể hiện đậm nét quan điểm và lập trường của Đảng Dân chủ Tự do (LDP) - Đảng lãnh đạo Nhật Bản suốt nhiều thập kỷ qua.

Còn ở Việt Nam, hệ thống chính trị mang tính đồng nhất, ở đó, Đảng Cộng sản giữ vị trí lãnh đạo đất nước. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng lý luận. Chính sách đối nội và đối ngoại được thực hiện mang tính nhất quán và phù hợp với nhu cầu phát triển của đất nước qua từng thời kỳ khác nhau, về đối nội, tiếp tục chính sách phát triển kinh tế theo mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế bao gồm đa hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước kết hợp với đảm bảo an sinh xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái, thúc đẩy kinh tế phát triển theo hướng bền vững. Về đối ngoại, Đảng Cộng sản và Chính phủ Việt Nam tiếp tục chính sách "đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ quốc tế" và "Việt Nam sẵn sàng làm bạn với tất cả các đối tác" có thiện chí. Tiếp tục hòa nhập sâu và rộng vào quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa. Mở rộng và củng cố quan hệ với các đối tác kinh tế và thương mại lớn, xúc tiến ký kết các Hiệp định Thương mại tự do (FTA). Nâng tầm và xây dựng các quan hệ đối tác chiến

TTBD ĐBDC

lược với các quốc gia có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Nói tóm lại, sự khác biệt trong chính trị là rất rõ nét. Đó là điều đương nhiên vì Việt Nam và Nhật Bản là hai quốc gia áp dụng hai hệ thống chính trị khác nhau, phù hợp với đặc thù và yêu cầu của mỗi nước. Chính sự khác biệt này chi phối quan điểm chính sách đối nội, đối ngoại cũng như hệ thông các giải pháp phát triển kinh tế, xã hội và quản lý môi trường ở từng quốc gia. Chẳng hạn, việc ban hành các luật liên quan tới môi trường ở Việt Nam được Chính phủ giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự thảo luật trình lên Chính phủ, sau đó Chính phủ trình Quốc hội thông qua. Còn ở Nhật Bản, dự thảo luật do nhóm nghị sĩ xây dựng sau đó trình lên Quốc hội để thông qua.

2. Khác biệt về trình độ phát triển kinh tế nói chung và tại các đô thị lớn nói riêng

Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản là điều ai cũng nhìn thấy. Chính trình độ phát triển kinh tế đặt ra những mục tiêu, yêu cầu, phát triển và quản lý xã hội, trong đó có quản lý môi trường rất khác nhau.

Nhật Bản có nền kinh tế thị trường được phát triển từ hơn bôn thế kỷ trước. Nếu coi cuộc Cách mạng Minh Trị (Meiji) năm 1868 chấm dứt chế độ phong kiến và mở đầu kỷ nguyên chủ nghĩa tư bản Nhật Bản, thì người ta cũng phải thừa nhận nền kinh tế thị trường của quốc gia này được bắt đầu từ đó. Tất nhiên, với hơn bốn thế kỷ phát triển kinh tế thị trường, trải qua các cuộc chiến tranh thế giới, Nhật Bản đã trở thành một trong ba siêu cường kinh tế lớn nhất thế giới.

Với trình độ của một siêu cường kinh tế và lịch sử phát triển kinh tế thị trường, Nhật Bản là một quốc gia có nền kinh tế thị trường chín muồi, ở đó, các quy luật của nền kinh tế thị trường như quy luật giá trị, quy luật cung - cầu v.v… đã được phát huy và vận động ở mức cao nhất. Kết cấu hạ tầng kinh tế được xây dựng và phát triển mang tính đồng bộ và hiện đại, nhất là kết cấu hạ tầng tại các đô thị. Nền kinh tế phát triển theo hướng tri thức hóa, dịch vụ hóa và xanh hóa.

TTBD ĐBDC

Trong khi đó, Việt Nam mới chuyển đổi sang mô hình kinh tế thị trường từ năm 1986. Đây là nền kinh tế thị trường non trẻ, ra đời trên nền tảng của nền kinh tế kế hoạch mang tính bao cấp. Bởi vậy tính chất, đặc điểm và cơ chế vận hành của kinh tế thị trường vẫn đang còn ở trong giai đoạn ban đầu. Các quy luật của kinh tế thị trường chưa phát huy hết tác dụng và còn bị bóp méo. Trải qua khoảng một phần tư thế kỷ phát triển kinh tế thị trường, kinh tế Việt Nam đã đạt được không ít thành tựu. Thu nhập bình quân đầu người đã tăng từ 100 USD năm 1990 đến xấp xỉ 1.250 USD năm 2011. Việt Nam đã trở thành một trong ba nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2020 là trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để đạt tới mục tiêu này, Việt Nam đang thực thi nhiều chính sách và giải pháp quan trọng. Có thể nói, nhóm giải pháp quan trọng nhất hiện nay chúng ta đang làm là tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu lĩnh vực ngân hàng - tài chính. Điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng củng cố các mối quan hệ đối tác chiến lược với các đối tác chủ yếu, tham gia có hiệu quả trong các định chế hợp tác khu vực và toàn cầu, qua đó tiếp thu các lợi thế của toàn cầu hóa và khu vực hóa, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Công bằng mà xét, những chính sách Việt Nam hiện nay đang thực thi để đạt tới mục tiêu như đã nói thì người Nhật Bản đã làm cách đây nhiều thập kỷ. Có người so sánh rằng, những điều hiện nay Việt Nam đang làm và đang hướng tới tương tự những việc mà người Nhật Bản đã làm trong thời kỳ "thần kỳ kinh tế" (những năm 1960 - 1970). Điều này có nghĩa là người Nhật Bản đã bỏ xa Việt Nam trong lĩnh vực này. Chỉ có điều kiện khác là bối cảnh thực hiện các chính sách và giải pháp này là không giống nhau.

Sự khác nhau trong trình độ phát triển kinh tế còn thể hiện rất rõ ở cấp độ đô thị. Đô thị Việt Nam thường là nơi tập trung lượng lớn dân cư có trình độ nhận thức khác nhau, ẩn chứa nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Chẳng hạn, Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội được đánh giá là hai trung tâm kinh tế, văn hóa ở hai đầu đất nước. Ở hai khu vực này, cơ cấu kinh tế chủ yếu tập trung vào dịch vụ, công nghiệp, xây dựng và cuối cùng là nông nghiệp, thủy sản. Nhiều

TTBD ĐBDC

khu mua sắm tập trung ra đời bên cạnh các chợ truyền thống, thêm vào đó là sự phát triển tự phát, khó kiểm soát của các chợ cóc, chợ tạm. Đây là những yếu tố đầu vào quan trọng cho nền kinh tế, là điều kiện tất yếu để phát triển đất nước. Tuy nhiên, việc gia tăng mạnh mẽ các yếu tố này khiến cho các yếu tố đầu ra cũng tăng lên, chẳng hạn, vấn đề ô nhiễm môi trường, áp lực giáo dục, khó khăn cho việc quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhất là cơ sở có trình độ lạc hậu, kết cấu hạ tầng lạc hậu, tệ nạn xã hội, hành chính phức tạp, v.v... Trong khi đó tại các đô thị ở Nhật Bản, các yếu tố đầu vào của nền kinh tế được xây dựng, phát triển, kiểm soát một cách chặt chẽ làm giảm tối thiểu những nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, giảm áp lực lên kết cấu hạ tầng, y tế, giáo dục, v.v...

Có thể nhấn mạnh rằng chính sự chênh lệch trong trình độ phát triển kinh tế giữa hai quốc gia kéo theo những khác biệt trong chính sách và việc thực thi các giải pháp quản lý môi trường trong đó có môi trường đô thị ở mỗi quốc gia. Đồng thời với trình độ phát triển kinh tế cao như Nhật Bản, họ thực hiện các giải pháp quản lý môi trường hệ thông hơn, hiện đại và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, trình độ phát triển kinh tế cao, thu nhập của người dân cao hơn, nhu cầu và ý thức của người dân cũng nâng cao hơn khi thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

1. Khác biệt về văn hóa, xả hội, quá trình hình thành và phát triển các đô thị

Bên cạnh những nét tương đồng về văn hóa thi sự khác biệt cũng là điều đương nhiên. Mỗi dân tộc có một nền văn hóa đặc trưng mang tính quốc gia. Người ta thường nói "văn hóa Nhật Bản", "văn hóa Việt Nam", "văn hóa Mỹ", v.v.. Nhật Bản được coi là một quốc gia có nền văn hóa đồng nhất, từ đô thị đến vùng nông thôn. Khi nói tới nền văn hóa Nhật Bản là nói tới nền văn hóa của dân tộc Nhật. Ngươi Nhật chiếm gần như 100% dân số chỉ có một nhóm nhỏ người Ainu ở Hôkkaiđô. Chính tính đồng nhất về dân tộc tạo ra tính thống nhất về văn hóa. Và điều này được thể hiện rõ nét trên nhiều phương diện như cảm nhận văn hóa, hưởng thụ văn hóa và bảo vệ văn hóa. Chẳng hạn, đa số người Nhật đều hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ dựa trên niềm tin Thần đạo; hay

trong văn hóa ẩm thực, đại đa số người Nhật Bản đều thích các món ăn truyền thông Sasumi, Tempura, Sukiaki, v.v.. Trong văn hóa giao tiếp đại đa số người Nhật coi tôn sư trọng đạo, tôn kính những công dân gương mẫu và tự giác thực hiện các quy ước cộng đồng là chuẩn mực cao nhất của người Nhật Bản hiện đại.

Trong khi đó, Việt Nam lại có một nền văn hóa đa dạng hay như nhiều người gọi là đa văn hóa. Việt Nam có 54 dân tộc khác nhau cùng chung sống và không sai khi nói chúng ta có 54 nền văn hóa, trong đó văn hóa người Kinh giữ vị trí chi phối. Chính sự đa dạng trong văn hóa được phản ánh trong cảm nhận, hưởng thụ và bảo vệ các giá trị văn hóa vốn cũng đa dạng, phức tạp gắn liền với từng tộc người trong 54 dân tộc anh em. Tính đa dạng này được thể hiện rõ tại các đô thị lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nơi đây tập trung nhiều thành phần dân tộc.

Chính sự khác biệt trong văn hóa dẫn tới sự khác biệt trong ứng xử với thiên nhiên và bảo vệ môi trường, cả người Việt Nam và Nhật Bản đều yêu quý thiên nhiên và có ý thức bảo vệ môi trường song cách ứng xử với thiên nhiên và ý thức bảo vệ môi trường sinh thái lại không giống nhau, bởi văn hóa Việt Nam có những khác biệt so với văn hóa Nhật Bản.

Về lịch sử hình thành và phát triển của các đô thị ở Nhật Bản và Việt Nam cũng có nhiều điểm khác biệt. Ở Việt Nam, đô thị phát triển theo chiều rộng, các đô thị được hình thành và phát triển theo kiểu tự phát, thiếu quy hoạch, thiếu sự đồng bộ về kết cấu hạ tầng. Trong vòng 15 năm phát triển, diện tích đô thị ở Việt Nam tăng gấp 4 lần, dân số tăng gấp đôi trong khi ít chú trọng đến phát triển chiều sâu dẫn đến nảy sinh nhiều bất cập trong đô thị như vấn đề ô nhiễm môi trường. Ngược lại, ở Nhật Bản, để được công nhận là đô thị, ngoài việc đảm bảo các tiêu chuẩn quy định thì đô thị đó phải đảm bảo cấu trúc cảnh quan và chức năng đô thị. Nói cách khác, các khu vực được công nhận là đô thị phải có sự phát triển đồng bộ về kết cấu hạ tầng hài hòa với thiên nhiên. Đương nhiên để đạt được điều này các đô thị phải có quy hoạch tốt ngay từ ban đầu.

TTBD DBDC

Sự tập trung dân cư là một trong những tiêu chí để phân cấp đô thị ở cả Việt Nam và Nhật Bản. Tuy nhiên, sự tập trung này có nhiều điểm khác nhau ở đô thị lớn của hai nước. Chẳng hạn, tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, dân cư tại các đô thị phân bố không đồng đều, tập trung quá nhiều tại các quận trung tâm, các quận huyện đang xây dựng kết cấu hạ tầng. Còn ở các đô thị lớn như Tôkyô, Kyôtô thì dân cư được phân bố khá đều ở tất cả các khu vực thuộc thành phố.

Về giao thông, kết cấu hạ tầng, khu đô thị thường là nơi tập trung lớn các phương tiện giao thông, đặc biệt là các phương tiện giao thông đường bộ như xe máy, ôtô khiến tình trạng ùn tắc giao thông xảy ra thường xuyên, nhất là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Thêm vào đó, hệ thông kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, lạc hậu, được xây dựng từ lâu khiến cho việc quản lý khó khăn cũng như làm nảy sinh nhiều vấn đề về môi trường. Nhiều nhà máy, trường học, cơ sở y tế nằm trong vùng nội thị của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được quy hoạch trước đây nay không còn phù hợp, thậm chí một số trường đại học mới, bệnh viện mới vẫn "giữ" tư duy phải nằm trong nội thành càng khiến cho dân số tại đô thị đã đông đúc lại, càng đông đúc hơn, v.v.. Trong khi đó, tại đô thị ở Nhật Bản như Tôkyô, Ôsaka, mặc dù mật độ dân số lớn song người ta vẫn cảm nhận đó là thành phố đầy màu xanh với giao thông nội thị, kết cấu hạ tầng được quy hoạch một cách khoa học, bao gồm nhiều loại hình giao thông khác nhau, tình trạng kẹt xe rất ít khi xảy ra. Các trường học, bệnh viện được quy hoạch một cách thông minh với diện tích khá lớn. Đây là điều khó thấy trong các cơ sở tương tự tại các thành phố của Việt Nam.

TTBD ĐBDC

3. Khác biệt về các yếu tố địa lý tự nhiên có tác động tới quản lý môi trường đô thị

Mạng lưới đô thị nước ta nằm trải dọc theo chiều dài đất nước, dọc theo các trục hành lang kinh tế, kỹ thuật cho nên các yếu tố điều kiện tự nhiên bị chi phối bởi cấu tạo địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu thời tiết, v.v. ở khu vực đó. Thông thường, các đô thị nằm ở vùng đồng bằng, gần các con sông, gần biển, các trục giao thông huyết mạch, v.v.. để thuận lợi cho quá trình phát triển kinh

tế. Cùng với quá trình đổi mới, phát triển nền kinh tế, tốc độ đô thị hóa tại nước ta cũng diễn ra nhanh chóng.

Như đã biết, vị trí địa lý, địa hình, địa mạo tại khu vực đô thị cũng có ảnh hưởng nhất định đên vấn đề ô nhiễm môi trường và quản lý môi trường. Chẳng hạn, Hà Nội nằm ở phía bắc của đất nước, với lợi thế là trung tâm chính trị - văn hóa của cả nước, còn Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở phía nam và là một trong hai trung tâm kinh tế lớn nhất của đất nước, cả hai là đầu mối giao thương đường bộ, đường sắt, đường sông, đường hàng không đi tất cả các vùng trong cả nước và quốc tế. Vì vậy nó có tác động rất lớn đến sự phát triển của khu vực đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ. Đây là điều kiện thuận lợi đồng thời cũng là thách thức cho việc quản lý môi trường tại hai đô thị lớn này.

Về địa chất, địa mạo, do nằm rải rác nên các đô thị cũng có địa chất, địa mạo không thống nhất. Ví dụ, Hà Nội nằm ở trung tâm của khu vực Bắc Bộ, nơi có các dòng chảy và các dãy núi cùng hội tụ để rồi phân tỏa về phía Biển Đông. Nơi đây có địa tầng tương đối đơn giản, có lịch sử lâu đời và được phát triển trên nền cấu trúc địa chất sụt võng hình thành trong giai đoạn tân kiến tạo, được khống chế bởi các đứt gãy kiến tạo sâu như đứt gãy sông Hồng, đứt gãy Đông Triều - Mạo Khê khiến cũng xảy ra những địa chấn như động đất. Còn Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở vùng tiếp giáp giữa đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ, có lịch sử lâu đời và được phát triển trên nền ba tầng cấu trúc địa chất lồn chồng gối lên nhau, gần như nơi đây không nằm trên cấu trúc đứt gãy địa chấn nào nên ít chứng kiến các vụ động đất.

TTBD ĐBDC

Về địa hình, đây là nhân tốcó ảnh hưởng rất lớn tới ô nhiễm và quản lý môi trường. Chẳng hạn, địa hình của Hà Nội tương đối đơn giản, thấp dần theo hướng đông nam, theo hướng của dòng chảy sông Hồng. Phía bắc là đầu mút của dãy Tam Đảo có độ cao từ 300 - 400m, thấp dần xuống hạ lưu sông có độ cao 12m - lõm và vùng châu thổ sông Hồng từ 4 – l0m. Với đặc điểm này sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội và quản lý môi trường của thành phố. Còn tại Thành phố Hồ Chí Minh địa hình thấp dần từ bắc xuống

nam, từ tây sang đông, một số vùng có độ cao từ 10 - 25m so với mực nước biển nhưng cũng có vùng độ cao chỉ từ trên dưới lm. Vì vậy Thành phốHồ Chí Minh có nguy cơ ngập lụt khá cao, cộng thêm yếu tố triều cường khiến cho việc tiêu thoát nước trở nên khó khăn. Thêm vào đó, với nhiều hồ ao trong nội thị khiến việc tiêu thoát nước gặp rất nhiều khó khăn, úng ngập thường xuyên xảy ra, v.v.. Như vậy, để giữ được cuộc sống yên bình, người dân ở cả Thành phốHồ Chí Minh và Hà Nội thường phải cải tạo địa hình bằng việc đắp đê phòng lũ, phòng triều cường.

Nước mặt tồn tại chủ yếu ở hệ thống sông, hồ, ao đầm, kênh rạch đồng thời cũng là hệ thống tiêu thoát nước thải. Tại Hà Nội, sông Hồng là con sông chính, ngoài ra còn có các sông nhỏ chảy trong khu vực nội thành như sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Nhuệ, v.v.. Tại Thành phố Hồ Chí Minh do nằm ở phía hạ lưu sông Sài Gòn nên khu vực này có hệ thông sông ngòi, kênh rạch khá đa dạng. Có ba con sông lớn chảy qua là sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Nhà Bè cùng nhiều kênh rạch phân bố rộng khắp. Bên cạnh đó, một lượng nước mặt khá lớn được trữ trong các hồ, đầm tự nhiên nhưng do quá trình đô thị hóa và thiếu quy hoạch nên nhiều hồ đã bị san lấp để xây dựng các công trình khiến cho việc tiêu thoát nước khi úng ngập đã khó khăn lại càng khó khăn hơn tại hai khu vực đô thị nói trên.

Khí hậu cũng là nhân tố quan trọng cần phải lưu tâm đến trong quản lý môi trường, bởi nó liên quan đến việc khuếch tán chất ô nhiễm trong không khí sau khi thoát ra từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt, về tổng quát, nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa song khí hậu thời tiết ở phía bắc và phía nam có nhiều điểm khác nhau. Hà Nội nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, mùa đông lạnh, ít mưa, mùa hè nóng, mưa nhiều. Hướng gió tồn tại chủ yếu theo bốn hướng và có thứ tự giảm dần là đông nam, đông bắc, tây bắc, tây nam. Hằng năm, Hà Nội chịu ảnh hưởng của 25 - 30 đợt không khí lạnh (chủ yếu là gió mùa đông bắc về mùa đông). Nhiệt độ trung bình năm trên 23°C nhưng vẫn có những tháng dưới 18°C và biên độ nhiệt của năm dao động khá cao là trên 12°c. Hà Nội có hai kiểu mùa điển hình là mùa đông lạnh khác biệt với phía nam, thời tiết trong những ngày này thường có rét, thậm chí rét đậm, rét hại, có mưa phùn, gió

TTBD ĐBDC

mùa đông bắc; mùa hè (mùa mưa) kéo dài từ tháng 5 - 10, tập trung 80% lượng mưa hằng năm. Điều này cũng khiến Hà Nội dễ úng ngập về mùa mưa, khô hạn về mùa đông. Trong khi đó tại Thành phố Hồ Chí Minh, khí hậu chỉ có hai mùa rõ rệt đó là mùa mưa và mùa khô, mùa mưa từ tháng 5-11 tập trung 90% lượng mưa. Khi mưa lớn cộng với triều cường trên vùng đất thấp gây ngập úng cục bộ cho một số quận trong thành phố, ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân. Một điểm khá may mắn cho khu vực này là ít xảy ra bão so với các vùng đô thị khác.

Cần phải nhấn mạnh rằng, chính những khác biệt về địa lý tự nhiên đã đặt Việt Nam và Nhật Bản trước những thách thức của thiên tai và biến đổi khí hậu rất khác nhau.

Như đã nói, Nhật Bản nằm trên vành đai núi lửa Thái Bình Dương và sự đứt gãy và chồng lấp của hai mảng lục địa nên quốc gia này hằng năm phải hứng chịu nhiều trận động đất, núi lửa và sóng thần. Bởi vậy, nguy cơ của thảm họa thiên nhiên thường là to lớn và khó lường. Nếu thảm họa xảy ra, người Nhật phải chịu thiệt hại khủng khiếp (động đất, sóng thần) và những giải pháp đối phó cũng như huy động các nguồn lực để ứng phó rất lớn. Thảm họa kép động đất, sóng thần xảy ra năm 2011 là một thí dụ điển hình. Đáng lưu ý là biến đổi khí hậu diễn ra trong bối cảnh địa lý đặc thù của Nhật Bản đang tạo ra những nguy cơ thực sự to lớn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường ở quốc gia này.

Việt Nam cũng đã, đang và phải đối mặt với những thách thức đến từ biến đổi khí hậu như nguy cơ nước biển dâng cao, lũ lụt bất thường, hiệu ứng nhà kính v.v… chúng ta phải đối phó với những thách thức này với nhiều giải pháp khác nhau song chúng ta vẫn may mắn hơn Nhật Bản. Việt Nam hằng năm cũng phải hứng chịu nhiều cơn thịnh nộ của thiên nhiên như bão tố, lũ lụt song không bị sóng thần và động đất như Nhật Bản.

Có thể nhấn mạnh rằng những khác biệt về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và các yếu tố địa lý tự nhiên của Việt Nam và Nhật Bản sẽ tác động lớn tới vấn đề quản lý môi trường dưới nhiều góc độ. Nói cách khác, đó là những khó khăn, thách thức trong quản lý môi trường mà chúng ta phải đối mặt. Thực tế

TTBD DBDC

cho thấy, không dễ tìm ra lời giải tối ưu cho việc xử lý những thách thức liên quan tới quản lý môi trường đô thị ở nước ta.

TTBD ĐBDC